| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUẢNG NINH**<br>**TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2018/HSST
Ngày: 06-3-2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mậu Đảo.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
Bà Hoàng Thị Tường Vy;
Ông Đỗ Cao Thế.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Mỹ Lợi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2017/HSST ngày 27 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn T**, sinh ngày 07 tháng 3 năm 1994 tại Quảng Bình;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1999 và có một con sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-11-2017 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đến nay; có mặt.

*Bị hại:*
Ông Nguyễn Văn Q, địa chỉ: Thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

*Người làm chứng*:
Ông Phan Văn T, địa chỉ: Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 10 phút ngày 02-10-2017, sau khi thực hiện hành vi cướp giật chiếc điện thoại di động hiệu OPPO NEO 9 màu hồng của bà Đinh Thị B (sinh năm 1988, địa chỉ: xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) tại địa bàn phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, Nguyễn Văn T đến quán (cửa hàng) điện thoại di động hiệu "N" ở thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình để bẻ khóa (mở mật khẩu) chiếc điện thoại OPPO của bà B. Vì đợi lâu nên T đề nghị đổi chiếc điện thoại OPPO NEO 9 lấy điện thoại khác. Ông Phan Văn T là thợ sửa chữa làm công trong Quán đồng ý đổi chiếc điện thoại OPPO NEO 7 màu đen của Quán. Trong khi ông T đang giải quyết công việc để đổi điện thoại, Nguyễn Văn T đã lấy trộm chiếc điện thoại di động Iphone 6S PLUS màu bạc để trên bàn, bên phải trong phòng sửa điện thoại, giấu vào túi quần, sau đó lấy điện thoại OPPO NEO 7 đã được dán kính cường lực theo thỏa thuận đổi, rồi đi về nhà. Ông T phát hiện trong quán mất 01 điện thoại IPHONE 6S PLUS màu bạc nên báo cho ông Q biết và đã cùng ông Q xem lại camera an ninh của Quán. Ông Q yêu cầu T trả lại điện thoại IPHONE 6S PLUS, T chỉ thừa nhận là "nhặt được", ông T gửi tin nhắn vào email qua máy điện thoại OPPO NEO 7 ở chổ T, với nội dung: "Nếu không trả lại điện thoại sẽ báo Công an" và ngày 03-10-2017, ông Nguyễn Văn Q đã trình báo sự việc với cơ quan Công an. Do lo sợ nên đến sáng ngày 03-10-2017, Nguyễn Văn T gửi trả chiếc điện thoại IPHONE 6S PLUS lại cho quán N bằng xe buýt. Nguyễn Văn T gọi điện thoại cho ông Q nhờ xóa tin nhắn đã gửi trong máy OPPO NEO 7. Ông Q bảo Tánh gửi điện thoại đến quán mới xóa được nên T đã gửi chiếc điện thoại OPPO NEO 7 đến quán N bằng xe buýt.

Ngày 03-10-2017, ông Nguyễn Văn Q đã giao nộp 03 chiếc điện thoại di động, đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Quảng Ninh (Cơ quan CSĐT) triệu tập Nguyễn Văn T để làm rõ, Nguyễn Văn T khai nhận đã lấy trộm chiếc điện thoại IPHONE 6S PLUS của ông Q.

Tại Cơ quan CSĐT, Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, như nội dung của bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình truy tố.

*Về giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án:* Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 11-10-2017, Hội đồng định giá tài sản nhà nước huyện Q, tỉnh Quảng Bình kết kuận: Giá trị giá 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6S PLUS của ông Nguyễn Văn Q là 8.000.000 đồng *(tám triệu đồng)*,(bút lục số 29).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

*Về vật chứng vụ án:*

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Quảng Ninh (CSĐT) đã thu giữ để điều tra và ngày 03-11-2017 đã trả lại cho ông Nguyễn Văn Q chiếc điện thoại di động hiệu IPHONE 6S PLUS và chiếc điện thoại OPPO NEO 7; ngày 27-11-

2017 đã chuyển chiếc điện thoại OPPO NEO 9 cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Hới để giải quyết theo thẩm quyền.

*Về trách nhiệm dân sự:*

Ông Nguyễn Văn Q đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu gì thêm.

Bản Cáo trạng số 02/THQCT-KSĐT-KT ngày 27 tháng 12 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

***Tại phiên tòa:***

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm, luận tội chứng minh bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Bị cáo Nguyễn Văn T đã lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn Q có giá trị 8.000.000đồng, mức quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2009/QH12 (gọi tắt là BLHS năm 1999), đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên giữ nguyên quyết định truy tố.

*Đề nghị Hội đồng xét xử:*

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội. Áp dụng khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T với mức án từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về vật chứng vụ án: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên không phải xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên không đề nghị xem xét.

- Bị cáo trình bày: Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình, nhất trí với Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh; lời luận tội, hình phạt và mức án đề nghị của Kiểm sát viên; nhận thức ra tội lỗi của mình, hậu quả của tội phạm đối với xã hội; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chấp nhận sự trừng phạt của pháp luật, nhưng xin được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, không ổn định, trong khi Bị cáo đang tìm kiếm việc làm, vợ Bị cáo đã bỏ đi không nuôi con còn nhỏ dại; hứa cố gắng cải tạo tốt để sớm trở về hòa nhập cộng đồng, làm ăn lương thiện; lao động, làm việc tạo thu nhập chính đáng.

- Bị hại trình bày ý kiến: Ông Nguyễn Văn Q nhất trí với Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh và quan điểm, lời luận tội của Kiểm sát viên; xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo vì hoàn cảnh gia đình Bị cáo đang khó khăn; không yêu cầu bồi thường thiệt hại, không có ý kiến gì thêm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T thống nhất, hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp về thời gian, địa điểm và quá trình diễn biến của vụ án. Ngày 02-10-2017, vào khoảng 21 giờ 10 phút, bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, với thủ đoạn lợi dụng thời gian muộn giờ làm việc, ít người tại hiện trường để lén lút lấy tài sản trong cửa hiệu (quán) 01 chiếc điện thoại di động hiệu IPHONE 6S PLUS của chủ sở hữu tài sản là ông Nguyễn Văn Q, trong khi ông Q không có mặt tại hiện trường, người làm công bận công việc, không trực tiếp quản lý tài sản. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T thuộc lỗi cố ý, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự (Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2009/QH12, viết tắt là BLHS năm 1999), thì: *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm."*. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị 8.000.000đồng của bị cáo Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh truy tố và lời luận tội, quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ pháp luật, đúng thực tế khách quan.

Hành vi phạm tội của Bị cáo gây lo lắng, hoang mang cho nhân dân trước tình hình an ninh trật tự trên địa bàn diễn biến phức tạp, do đó cần phải xử lý nghiêm khắc, mức hình phạt tương ứng với tính chất vụ án mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và để răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ của Bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp.

[3] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt* đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn huyện Q là 1 lần, giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 8.000.000 đồng, thuộc tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 138; không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 của BLHS năm 1999.

Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện qua việc bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ, Bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46; tự giác nộp lại tài sản đã chiếm đoạt và chưa gây ra thiệt hại về tài sản thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999; bị cáo đã tự giác đến cơ quan Công an để đầu thú khi biết mình có quyết định truy nã nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho Bị cáo.

[4] *Về vật chứng:* Cơ quan CSĐT đã thu giữ để điều tra và xử lý trong giai đoạn điều tra đúng theo quy định của pháp luật nên không còn phải xử lý.

[5] *Về trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại:* Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269; điểm g khoản 2 Điều 260; khoản 1 Điều 298; khoản 1, khoản 4 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm *"Tội trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội. Áp dụng khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 14 tháng 11 năm 2017).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật*

*Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Q.Ninh;
- Công an huyện Q.Ninh;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- CQ THADS huyện Q;
- CQ THAHS-CA huyện Q;
- CQ THAHS-CA tỉnh Q.Bình;
- TAND tỉnh Q.Bình;
- Sở Tư pháp Q.Bình:
- Lưu H.sơ vụ án, lưu TAQN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
*(Đã ký)*

**Nguyễn Mậu Đảo**